

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh mục chuyên ngành và cơ sở đào tạo
cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo trình độ sau đại học
ở trong nước giai đoạn 2016 - 2021**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Thông tư số 19/2014/TT-BNV ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nội vụ quy định, hướng dẫn công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định về chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo;

Căn cứ Kết luận số 138-KL/TU ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Khóa XIX) tại Hội nghị lần thứ 21;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục chuyên ngành và cơ sở đào tạo cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo trình độ sau đại học ở trong nước giai đoạn 2016 - 2021 (có Phụ lục kèm theo).

Danh mục chuyên ngành và cơ sở đào tạo theo quy định tại Quyết định này là cơ sở để xét cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo trình độ sau đại học ở trong nước và thực hiện chính sách trợ cấp theo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-UBND.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm:

1. Thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định hoặc thỏa thuận để Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo trình độ sau đại học theo thẩm quyền phân cấp, bảo đảm đúng chuyên ngành và cơ sở đào tạo theo quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Hàng năm, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện việc rà soát, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung danh mục các chuyên ngành và cơ sở đào tạo trình độ sau đại học ở trong nước cho phù hợp với nhu cầu đào tạo của tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các Ban, đoàn thể thuộc Tỉnh ủy;
- Trường Chính trị tỉnh;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K12. 

CHỦ TỊCH

Hồ Quốc Dũng

Phụ lục
DANH MỤC CÁC CHUYÊN NGÀNH VÀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO
CỬ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐI HỌC SAU ĐẠI HỌC
Ở TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2021

(Kèm theo Quyết định số **969** /QĐ-UBND
ngày **21** tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Cơ sở và các chuyên ngành, nhóm chuyên ngành	Mã ngành		Ghi chú
		Thạc sĩ	Tiến sĩ	
1	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội			
1.1	Kinh tế học	603101**	623101**	
1.2	Kinh doanh	603401**	623401**	
1.3	Tài chính - Ngân hàng	603402**	623402**	
1.4	Quản trị nhân lực	60340404	62340404	
1.5	Quản lý kinh tế	60340410	62340410	
2	Trường Đại học Kinh tế Luật - Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh			
2.1	Kinh tế học	60310101	62310101	
2.2	Kinh tế và quản lý công	60310101	62310101	
2.3	Kinh tế chính trị	60310102	62310102	
2.4	Kinh tế quốc tế	60310106	62310106	
2.5	Luật dân sự và tố tụng dân sự	60380103	62380103	
2.6	Luật kinh tế	60380107	62380107	
3	- Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội. - Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh.			
3.1	Chính sách công	60340402	62340402	
3.2	Quản lý công	60340403	62340403	
3.3	Quản trị nhân lực	60340404	62340404	
3.4	Quản lý kinh tế	60340410	62340410	
3.5	Kinh tế chính trị	60310102	62310102	
3.6	Kinh tế phát triển	60310105	62310105	
3.7	Kinh tế nông nghiệp	60620116	62620116	
3.8	Tài chính - Ngân hàng	60340201	62340201	
3.9	Kế toán; Kế toán - Kiểm toán	60340301	62340301	
3.10	Quản trị kinh doanh	60340102	62340102	
3.11	Kinh doanh thương mại	60340121	62340421	



TT	Cơ sở và các chuyên ngành, nhóm chuyên ngành	Mã ngành		Ghi chú
		Thạc sĩ	Tiến sĩ	
4	- Trường Đại học Ngoại Thương. - Trường Đại học Thương Mại.			
4.1	Quản trị kinh doanh	60340102	62340102	
4.2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	60340103	62340103	
4.3	Kinh doanh thương mại	60340121	62340121	
4.4	Tài chính - Ngân hàng	60340201	62340201	
4.5	Kế toán; Kế toán - Kiểm toán	60340301	62340301	
4.6	Quản lý kinh tế	60340410	62340410	
5	Trường Đại học RMIT			
5.1	Quản trị kinh doanh	60340102	62340102	
5.2	Kinh doanh quốc tế	X	X	
6	- Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội. - Trường Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh.			
6.1	Tài chính - Ngân hàng	60340201	62340201	
6.2	Kế toán; Kế toán - Kiểm toán	60340301	62340301	
7	Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế trung ương (đào tạo Tiến sĩ)			
7.1	Kinh tế phát triển	-	62310105	
7.2	Quản lý kinh tế	-	62340410	
8	Trường Đại học Quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh			
8.1	Quản trị kinh doanh	60340102	62340102	
8.2	Công nghệ sinh học	60420201	62420201	
9	- Trường Đại học Bách khoa Hà Nội. - Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh.			
9.1	Quản lý công nghiệp	60340414	62340414	
9.2	Khoa học vật chất	604401**	624401**	
9.3	Công nghệ sinh học	60420201	62420201	
9.4	Công nghệ thông tin	60480201	62480201	
9.5	Kỹ thuật điện	60520202	60520202	
9.6	Kỹ thuật môi trường	60520320	62520320	
9.7	Kiến trúc và quy hoạch	605801**	625801**	
9.8	Xây dựng	605802**	625801**	
9.9	Quản lý xây dựng	605803**	625803**	
9.10	Quản lý tài nguyên và môi trường	60850101	62850101	TUV

TT	Cơ sở và các chuyên ngành, nhóm chuyên ngành	Mã ngành		Ghi chú
		Thạc sĩ	Tiến sĩ	
10	- Đại học Khoa học Tự nhiên Hà Nội. - Đại học Khoa học Tự nhiên Thành phố Hồ Chí Minh.			
10.1	Địa lý học	603105**	623105**	
10.2	Sinh học	604201**	624201**	
10.3	Khoa học vật chất	604401**	624401**	
10.4	Toán học	604601**	624601**	
10.5	Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa	605205**	625205**	
10.6	Kiểm soát và bảo vệ môi trường	608401**	628401**	
11	Đại học Khoa học và Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội.			
11.1	Quản lý năng lượng	60340416	62340416	
11.2	Công nghệ thông tin	60480201	62480201	
12	- Trường Đại học Công nghệ thông tin Thành phố Hồ Chí Minh. - Trường Đại học FPT. - Trường Đại học Việt - Đức.			
12.1	Công nghệ thông tin	60480201	62480201	
13	- Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội. - Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh. - Trường Đại học Xây dựng.			
13.1	Kiến trúc	60580103	62580103	
13.2	Quy hoạch vùng và đô thị	60580105	62580105	
13.3	Quản lý đô thị và công trình	60580106	60580106	
13.4	Xây dựng	605802**	625802**	
13.5	Quản lý xây dựng	60580302	62580302	
14	- Trường Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội. - Trường Đại học Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh. - Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng.			
14.1	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	60580202	62580202	
14.2	Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm	60580204	62580204	
14.3	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	60580205	62580205	
14.4	Kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	60580208	62580208	
14.5	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	60580210	62580210	
14.6	Tổ chức và quản lý vận tải	60840103	62840103	
14.7	Kỹ thuật cơ khí động lực	60520116	62520116	

TT	Cơ sở và các chuyên ngành, nhóm chuyên ngành	Mã ngành		Ghi chú
		Thạc sĩ	Tiến sĩ	
15	- Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. - Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.			
	Quản lý công nghiệp	60340414	62340414	
16	Trường Đại học sư phạm kỹ thuật TP Hồ Chí Minh			
16.1	Giáo dục học	60140101	62140101	
16.2	Lý luận và phương pháp dạy học	60140110	62140110	
16.3	Kỹ thuật cơ khí động lực	60520116	62520116	
16.4	Kỹ thuật điện	60520202	62520202	
16.5	Kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	60580208	62580208	
17	Trường Đại học Thủy lợi			
17.1	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	60580202	62580202	
17.2	Kỹ thuật tài nguyên nước	60580212	62580212	
17.3	Quản lý tài nguyên và môi trường	60850101	62850101	
17.4	Khoa học môi trường	60440301	62440301	
17.5	Kỹ thuật môi trường	60520320	62520320	
18	Trường Đại học Mỏ - Địa chất			
18.1	Bản đồ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý	60440214	X	
18.2	Kỹ thuật địa chất	60520501	62520501	
18.3	Kỹ thuật khai thác mỏ	60520603	62520603	
20	Viện Môi trường và Tài nguyên - Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh			
20.1	Kỹ thuật môi trường	60520320	62520320	
20.2	Quản lý tài nguyên và môi trường	60850101	62850101	
21	- Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội. - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.			
21.1	Khoa học giáo dục	601401**	621401**	
21.2	Mỹ thuật	602101**	622101**	
21.3	Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam	602201**	622201**	
21.4	Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài	602202**	622202**	
21.5	Nhân văn khác	602203**	622203**	
21.6	Khoa học chính trị	603102**	623102**	
21.7	Xã hội học và nhân học	603103**	623103**	

TT	Cơ sở và các chuyên ngành, nhóm chuyên ngành	Mã ngành		Ghi chú
		Thạc sĩ	Tiến sĩ	
21.8	Tâm lý học	603104**	623104**	
21.9	Quản lý văn hóa	60310642	62310642	
21.10	Báo chí học	60320101	62320101	
21.11	Thông tin - Thư viện	603202**	623202**	
21.12	Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng	603203**	623203**	
21.13	Xuất bản	60320401	62320401	
21.14	Chính sách công	60340402	62340402	
21.15	Quản trị nhân lực	60340404	62340404	
21.16	Quản lý khoa học và công nghệ	60340412	62340412	
21.17	Du lịch học	X	X	
22	Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ			
22.1	Quản lý khoa học và công nghệ	60340412	62340412	
23	- Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội. - Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh. - Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng. - Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế.			
23.1	Lý luận và phương pháp dạy ngoại ngữ	60140111	62140111	
23.2	Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài	602202**	622202**	
24	- Trường Đại học sư phạm Hà Nội. - Trường Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh. - Trường Đại học sư phạm Huế. - Trường Đại học sư phạm Đà Nẵng. - Trường Đại học Quy Nhơn. - Trường Đại học Vinh. - Các Viện Nghiên cứu chuyên ngành trực thuộc Chính phủ, Bộ ngành Trung ương (đào tạo Tiến sĩ)			
24.1	Khoa học giáo dục	601401**	621401**	
24.2	Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam	602201**	622201**	
24.3	Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài	602202**	622202**	
25	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh			
25.1	Khoa học chính trị	603103**	623103**	
25.2	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	60380102	62380102	
25.3	Kinh tế chính trị	60310102	62310102	
25.4	Kinh tế phát triển	60310105	62310105	

TT	Cơ sở và các chuyên ngành, nhóm chuyên ngành	Mã ngành		Ghi chú
		Thạc sĩ	Tiến sĩ	
25.5	Chính sách công	60340402	62340402	
25.6	Quản lý kinh tế	60340410	62340410	
25.7	Đông phương học	60310608	62310608	
25.8	Xã hội học	60310301	62310301	
25.9	Nhân văn khác	602203**	622203**	
26	Học viện Hành chính quốc gia			
26.1	Chính sách công	60340402	62340402	
26.2	Quản lý công	60340403	62340403	
26.3	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	60380102	60380102	
27	- Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. - Trường Đại học Luật Hà Nội. - Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.			
27.1	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	60380101	62380101	
27.2	Luật hiến pháp và luật hành chính	60380102	62380102	
27.3	Luật dân sự và tổ tụng dân sự	60380103	62380103	
27.4	Luật kinh tế	60380107	62380107	
27.5	Luật quốc tế	60380108	62380108	
28	Học viện Ngoại giao			
28.1	Luật quốc tế	60380108	62380108	
28.2	Quan hệ quốc tế	60310206	62310206	
29	- Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. - Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.			
29.1	Quản lý văn hóa	60310642	62310642	
29.2	Khoa học Thông tin - Thư viện	60320203	62320203	
30	- Trường Đại học Dược Hà Nội. - Trường Đại học Y Hà Nội. - Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. - Trường Đại học Y Dược Huế. - Khoa Y Dược - Đại học Quốc gia Hà Nội			
30.1	Y học	607201**	627201**	
30.2	Y học cổ truyền	60720201	62720201	
30.3	Y tế công cộng	60720301	62720301	
30.4	Dược học	607204**	627204**	

TT	Cơ sở và các chuyên ngành, nhóm chuyên ngành	Mã ngành		Ghi chú
		Thạc sĩ	Tiến sĩ	
31	- Học viện Nông nghiệp Việt Nam. - Trường Đại học Nông lâm TP Hồ Chí Minh. - Đại học Nông lâm Huế. - Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Lâm nghiệp).			
31.1	Nông nghiệp	606201**	626201**	
31.2	Lâm nghiệp	60620201	626202**	
31.3	Thủy sản	606203**	626203**	
31.4	Thú y	60640101	626401**	
31.5	Công nghệ sinh học	60420201	62420201	
31.6	Kỹ thuật môi trường	60520320	62520320	
31.7	Công nghệ chế biến thủy sản	60540105	62540105	
32	Trường Đại học Nha Trang			
32.1	Công nghệ sinh học (thủy sản)	60420201	62420201	
32.2	Công nghệ chế biến thủy sản	60540105	62540105	
32.3	Nuôi trồng thủy sản	60620301	62620301	
32.4	Kỹ thuật khai thác thủy sản	60620304	62620304	
32.5	Quản lý nguồn lợi thủy sản	60620305	62620305	

Ghi chú:

- Mã số 60: Đào tạo thạc sĩ.
- Mã số 62: Đào tạo tiến sĩ.
- (*), (**): Các chuyên ngành chuyên sâu.
- X: Chuyên ngành đào tạo chưa có mã ngành. *yh*

BÌNH ĐỊNH